

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÔNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/DS-ST
Ngày 13 - 9 - 2021
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Văn Hồi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Minh; Bà Lê Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Tấn Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Bông.

Ngày 13 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự số 54/2021/DSST ngày 27 tháng 5 năm 2021, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn T; Bà Trần Thị Thu H.

Địa chỉ: Thôn H, xã S, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền của ông T và bà H: ông Y T N Knỗng.

Địa chỉ: Buôn Đắk J, xã K, huyện L, tỉnh Đắk Lắk (*có mặt*).

Bị đơn: Ông Hoàng Văn V; Bà Thái Thị L

Địa chỉ: TDP T, thị trấn K, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. (*Vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/5/2021, bản tự khai và tại các biên bản hòa giải nguyên đơn và Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, trình bày:

Vào ngày 06/9/2017 ông T và bà H có cho vợ chồng ông Hoàng Văn V và bà Thái Thị L vay số tiền 10.000.000 đồng, việc vay tiền có viết giấy tay có anh V và chị L ký nhận, thời hạn vay là 06 tháng, hai bên không thỏa thuận lãi suất.

Vào ngày 29/11/2017 ông T và bà H tiếp tục cho ông Hoàng Văn V vay số tiền 25.000.000 đồng, việc vay tiền có viết giấy tay có anh V ký nhận hai bên không thỏa thuận lãi suất và cũng không ghi thời hạn trả nợ, mục đích vay về để làm ăn. Khoản nợ thứ nhất quá hạn đã lâu nhưng vợ chồng ông V không chịu trả nợ, khoản nợ thứ hai vợ chồng ông V không thực hiện việc trả nợ. Ông T và bà H đã rất nhiều lần yêu cầu nhưng vợ chồng anh V không chịu trả. Nay ông T và bà H khởi kiện yêu cầu ông Hoàng Văn V và bà Thái Thị L phải trả cho số nợ gốc là 35.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

- Bị đơn tại biên bản lấy lời khai ngày 23/6/2021 và tại các biên bản hòa giải ông Hoàng Văn V, đều trình bày:

Qua yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông T như vậy, tôi thừa nhận là có ký giấy mượn tiền của vợ chồng ông T 02 lần với số tiền 35.000.000 đồng, mặc dù cả 02 giấy vay tiền đều không ghi lãi suất, nhưng vay lần đầu 10.000.000 đồng có thỏa thuận miệng là 2.000đồng/1triệu/ngày, một tháng tôi trả lãi 600.000 đồng. Kể từ khi vay khoản thứ 02 thì thỏa thuận lãi suất một tháng tôi trả 2.500.000 đồng trên toàn bộ số nợ gốc 35.000.000 đồng, tôi đã trả tiền lãi được hơn một năm với số tiền 30.000.000 đồng thì công việc làm ăn gặp khó khăn nên không trả nữa. Tiền nợ gốc tôi đã trả được 5.500.000 đồng, còn nợ gốc là 29.500.000 đồng. Nay vợ chồng ông T khởi kiện yêu cầu tôi phải trả 35.000.000 đồng nợ gốc tôi không đồng ý, tôi chỉ còn nợ ông T 29.500.000 đồng. Hiện nay gia đình tôi đang rất khó khăn về kinh tế nên không có khả năng trả một lần nên tôi cam kết sẽ trả dần, một tháng trả 500.000 đồng cho đến khi trả xong nợ.

- Bị đơn tại biên bản lấy lời khai ngày 23/6/2021 và tại các biên bản hòa giải bà Thái Thị L, đều trình bày:

Qua yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông T như vậy, tôi thừa nhận là có ký giấy mượn tiền của vợ chồng ông T 01 lần với số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 06/9/2017, mặc dù giấy vay tiền không ghi lãi suất, nhưng có thỏa thuận miệng là 2.000 đồng/1triệu/ngày, một tháng tôi trả lãi 600.000 đồng. Sau khi vay tôi có trả lãi được hơn một năm thì công việc làm ăn gặp khó khăn nên không trả nữa. Tiền nợ gốc tôi đã trả được 5.500.000 đồng, còn nợ gốc là 4.500.000 đồng. Nay vợ chồng ông T khởi kiện yêu cầu tôi phải trả 35.000.000 đồng nợ gốc tôi không đồng ý, vợ chồng tôi chỉ còn nợ vợ chồng ông T 4.500.000 đồng. Hiện nay gia đình tôi đang rất khó khăn về kinh tế nên không có khả năng trả một lần nên tôi cam kết sẽ trả dần, một tháng trả 500.000 đồng của khoản nợ vay cho đến khi trả xong nợ. Đối với khoản nợ 25.000.000 đồng vay ngày 29/11/2017 chồng tôi tự ý vay về làm gì tôi không biết và tôi cũng không ký giấy vay nợ nên tôi không đồng ý cùng trả nợ.

Tài liệu chứng cứ trong vụ án: Ông T và bà H cung cấp 02 Giấy mượn tiền, giấy lập ngày 06/9/2017 với số tiền 10.000.000đ có cả anh Hoàng Văn V và chị Thái Thị L cùng ký nhận nợ, giấy lập ngày 29/11/2017 chỉ có chữ ký của anh V.

- Qua hòa giải: Đại diện theo ủy quyền của ông T và bà H cùng với ông V thống nhất việc anh V có 02 lần ký giấy vay của vợ chồng ông T với số tiền gốc 35.000.000đ, chị L cho rằng chỉ ký giấy vay nợ vay nợ ngày 06/9/2017 và vợ chồng đã trả được 5.500.000đ, chỉ còn nợ 4.500.000đ nhưng không đưa ra được giấy tờ gì, còn khoản vay 25.000.000đ theo giấy vay ngày 29/11/2017 chị L không chấp nhận có nợ, việc vay nợ là do anh V tự ký nhận vay, chị L không biết số tiền này nên không đồng ý cùng anh V trả nợ. Đại diện cho nguyên đơn không đồng ý với ý kiến của vợ chồng anh V chị L, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với nợ gốc 35.000.000đ, không yêu cầu tính lãi. Quá trình vợ chồng ông T cho vay không có thỏa thuận lãi suất, cũng chưa nhận được đồng tiền lãi nào và cũng chưa nhận được số tiền nợ gốc nào của vợ chồng anh V trả. Ông T và bà H vẫn yêu cầu cả hai vợ chồng anh V cùng trả toàn bộ số nợ 35.000.000 đồng. Một tháng trả 5.000.000 đồng cho đến khi trả xong nợ. Trường hợp ông V và bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì ông T và bà H có quyền yêu cầu Thi hành án một lần đối với toàn bộ số nợ còn lại. Vợ chồng anh V cam kết trả 500.000đ/tháng. Hòa giải không thành.

Tại phiên tòa: Đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu HĐXX xem xét buộc vợ chồng anh Hoàng Văn V và Thái Thị L có trách nhiệm trả cho ông T và bà H số tiền nợ gốc 35.000.000đ, không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn Hoàng Văn V và Thái Thị L, có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến tại các buổi hòa giải.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và xác nhận của đương sự trước phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Vụ án Tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa ông Lê Văn T và bà Trần Thị Thu H với ông Hoàng Văn V và bà Thái Thị L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

Bị đơn Hoàng Văn V và Thái Thị L, có đơn xin xét xử vắng mặt. HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Tại bản tự khai và quá trình tranh tụng tại phiên tòa ngày hôm nay đều thấy rằng: Vào ngày 06/9/2017 ông T và bà H có cho vợ chồng ông Hoàng Văn V và bà Thái Thị L vay số tiền 10.000.000 đồng, việc vay tiền có viết giấy tay có anh V và chị L ký nhận, thời hạn vay là 06 tháng, hai bên không thỏa thuận lãi suất. Vào ngày 29/11/2017 ông T và bà H tiếp tục cho ông Hoàng Văn V vay số tiền 25.000.000 đồng, việc vay tiền có viết giấy tay có ông V ký nhận hai bên không thỏa thuận lãi suất và cũng không ghi thời hạn trả nợ, mục đích vay về để làm ăn. Ông T và bà H cho rằng đã rất nhiều lần yêu cầu nhưng vợ chồng anh V không chịu trả.

Nay ông T và bà H khởi kiện yêu cầu ông Hoàng Văn V và bà Thái Thị L phải trả số nợ gốc là 35.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất. Quá trình hòa giải đại diện cho ông T và bà H yêu cầu ông V và bà L phải có trách nhiệm cùng trả toàn bộ khoản nợ 35.000.000đ, một tháng trả 5.000.000 đồng cho đến khi trả xong nợ. Ông V và bà L thừa nhận có cùng ký giấy vay số tiền 10.000.000đ vào ngày 06/9/2017 và có trả lãi cũng như đã trả được 5.500.000đ nợ gốc, chỉ còn nợ 4.500.000đ nợ gốc nhưng không đưa ra được giấy tờ gì. Đối với khoản nợ 25.000.000đ vay ngày 29/11/2017 ông V thừa nhận là có ký giấy vay nợ, bà L cho rằng khoản nợ này ông V tự ký vay, vay về sử dụng vào việc gì bà L không biết nên không đồng ý cùng ông V trả nợ, ông V tự vay thì tự trả.

Ý kiến của ông V và bà L cho rằng đã trả được 5.500.000đ và lãi suất của khoản vay ngày 06/9/2017, ông V cho rằng khoản nợ vay ngày 29/11/2017 cũng đã trả được tiền lãi nhưng ý kiến của ông V và bà L không được ông T và bà H thừa nhận và ông V bà L cũng không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh nên không được HĐXX chấp nhận. Đối với yêu cầu khởi kiện số tiền 25.000.000đ theo giấy vay ngày 29/11/2017 nguyên đơn cung cấp được giấy mượn tiền và chỉ có chữ ký của ông V, ông V thừa nhận có nợ, trong giấy mượn tiền không có chữ ký của bà L và bà L cho rằng không biết việc này và cũng không được sử dụng số tiền này nên không đồng ý cùng ông V trả nợ, do vậy, HĐXX không có căn cứ để chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện là buộc bà L cùng liên đới với ông V trả nợ cho ông T và bà H. Do đó, HĐXX xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông T và bà H đối với giấy vay nợ ngày 06/9/2017 với số tiền nợ gốc 10.000.000đ và được ông V và bà L thừa nhận có ký giấy vay, là hoàn toàn có căn cứ nên cần được chấp nhận. Buộc ông Hoàng Văn V và bà Thái Thị L cùng liên đới trả cho ông Lê Văn T và chị Trần Thị Thu H số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng.

Yêu cầu khởi kiện của ông T và bà H đối với giấy vay nợ ngày 29/11/2017 với số tiền nợ gốc 25.000.000đ và được ông V thừa nhận ký giấy vay và bà L không thừa nhận có ký giấy vay và không chấp nhận cùng ông V trả khoản nợ này, ngoài ra nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh việc ông V vay số tiền này bà L cũng biết và được sử dụng chi tiêu trong gia đình. Do đó, yêu cầu khởi kiện đối với khoản nợ này chỉ được HĐXX chấp nhận buộc ông Hoàng Văn V phải có trách nhiệm trả cho ông Lê Văn T và bà Trần Thị Thu H số tiền nợ gốc là 25.000.000 đồng. Không chấp nhận việc nguyên đơn yêu cầu bà Thái Thị L cùng liên đới trả số nợ 25.000.000 đồng.

Về lãi suất: bị đơn cho rằng đã trả được tiền lãi nhưng không được nguyên đơn thừa nhận và cũng không có chứng cứ gì, do nguyên đơn cũng không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra để giải quyết.

[3] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của ông T và bà H được chấp nhận nên buộc ông V và bà L chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm: Bà L và ông V phải liên đới chịu (10.000.000đ x 5%) 500.000 đồng. Ông V phải chịu (25.000.000đ x 5%) 1.250.000đ. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho T và bà H là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 48; Điều 220; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; 266; 271; 273; 278; 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 463; 466; 468; 470; 288 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T và bà Trần Thị Thu H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Hoàng Văn V và bà Thái Thị L cùng liên đới trả cho ông Lê Văn T và bà Trần Thị Thu H số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

Buộc ông Hoàng Văn V phải có trách nhiệm trả cho ông Lê Văn T và bà Trần Thị Thu H số tiền nợ gốc là 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bà Thái Thị L cùng liên đới với ông Hoàng Văn V trả số nợ gốc 25.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất

cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm; nếu không có thỏa thuận thì theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án. Theo quy định tại điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Bà Thái Thị L và ông Hoàng Văn V phải liên đới chịu 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Hoàng Văn V phải chịu 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Bông

Trả lại cho ông Lê Văn T và bà Trần Thị Thu H số tiền 875.000 đồng (Tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Bông theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0004811 ngày 27/5/2021 (Trình Đình N nộp tiền thay).

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND H Krông Bông;
- THADS H Krông Bông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Văn Hồi